

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: 1 – Năm học: 2022 – 2023

Môn học/Nhóm: Bóng đá 1 – Nhóm 01

Số tín chỉ: 02

CBGD: Nguyễn Thành Quân

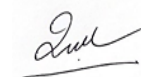
STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2121190151	Huỳnh Thị Hải	Băng	13/07/2003	CCQ2119D	8.7	7	7.7	
2	2121190134	Lê Thị Y	Bình	10/05/2003	CCQ2119D	8.2	8	8.1	
3	2121130025	Phạm Thị Hồng	Cẩm	25/08/2003	CCQ2113A	6.2	6	6.1	
4	2121120171	Phạm Thị Yến	Chi	10/01/2003	CCQ2112E	6.5	5	5.6	
5	2119030173	Nguyễn Văn	Cường	23/11/2001	CCQ1903F	0.0	0	0.0	Vắng
6	2121190086	Huỳnh Thị	Diễm	20/10/2003	CCQ2119C	6.8	7	6.9	
7	2121130034	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	05/03/2003	CCQ2113B	6.2	6	6.1	
8	2121100216	Đặng Cao	Duyên	18/05/2003	CCQ2110G	6.3	7	6.7	
9	2121100246	Nguyễn Mỹ	Duyên	13/01/2003	CCQ2110H	8.0	8	8.0	
10	2121190137	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	14/05/2003	CCQ2119D	7.0	7	7.0	
11	2121120603	Nguyễn Văn	Hải	11/02/2002	CCQ2112R	0.0	0	0.0	Vắng
12	2121100171	Trần Thị	Hiền	28/02/2003	CCQ2110E	9.2	10	9.7	
13	2121130053	Mai Thị Quỳnh	Hoa	23/05/2003	CCQ2113B	9.3	5	6.7	
14	2121030166	Lê Sỹ	Hoàng	22/05/2001	CCQ2103D	8.3	8	8.1	
15	2121210117	Trần Trung	Hoàng	28/04/2002	CCQ2121D	8.0	7	7.4	
16	2121170525	Nguyễn Chí	Hội	12/07/2003	CCQ2117O	0.0	0	0.0	Vắng
17	2121190135	Lê Kim	Huệ	14/11/2003	CCQ2119D	8.3	7	7.5	
18	2121120443	Lê Thị Thanh	Huyền	07/10/2003	CCQ2112M	0.0	0	0.0	Vắng
19	2121120238	Võ Thị Ngọc	Huyền	18/04/2003	CCQ2112G	7.2	7	7.1	
20	2121100225	Lý Thị Hoàng	Hương	23/09/2003	CCQ2110G	8.3	5	6.3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
21	2121190122	Võ Thị Thu	Hương	09/07/2003	CCQ2119D	8.5	6	7.0	
22	2121130054	Vũ Thị Thu	Hương	13/05/2003	CCQ2113B	7.5	5	6.0	
23	2120050114	Hồ Duy	Khánh	29/06/2002	CCQ2006B	0.0	0	0.0	Vắng
24	2119030012	Trương Đăng	Khoa	02/06/2001	CCQ1903A	0.0	0	0.0	Vắng
25	2121180063	Lê Trung	Kiên	23/12/2003	CCQ2118B	0.0	0	0.0	Vắng
26	2121100010	Bùi Đoàn Thùy	Linh	05/02/2003	CCQ2110A	7.0	0	2.8	
27	2121100224	Nguyễn Trần Giao	Linh	26/01/2003	CCQ2110G	7.7	7	7.3	
28	2120120501	Phạm Văn	Linh	04/03/2002	CCQ2012O	0.0	0	0.0	Vắng
29	2121190112	Lê Thị	Luyến	15/07/2003	CCQ2119D	9.3	8	8.5	
30	2121200143	Nguyễn Đăng	Lưu	17/01/2003	CCQ2120E	7.8	7	7.3	
31	2121100227	Trần Lê Khánh	Ly	04/04/2003	CCQ2110G	8.5	7	7.6	
32	2121130055	Lê Thị Ngọc	Nga	01/04/2003	CCQ2113B	7.2	8	7.7	
33	2121130037	Nguyễn Thị Vân	Nga	14/05/2003	CCQ2113B	6.2	6	6.1	
34	2120190097	Bùi Thị Khánh	Ngân	13/05/2002	CCQ2019C	0.0	0	0.0	Vắng
35	2121190118	Đặng Thị Hồng	Ngọc	16/07/2003	CCQ2119D	7.0	7	7.0	
36	2121120380	Phan Phú	Nhật	05/12/2003	CCQ2112K	8.8	6	7.1	
37	2121190140	Phạm Thị Hồng	Nhi	11/02/2003	CCQ2119D	7.2	6	6.5	
38	2121120216	Trần Thị Yến	Nhi	19/11/2003	CCQ2112G	6.0	6	6.0	
39	2121100142	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	26/03/2001	CCQ2110E	6.5	7	6.8	
40	2121190120	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	14/12/2003	CCQ2119D	7.5	6	6.6	
41	2121190110	Trần Hoàng Tú	Như	02/10/2003	CCQ2119D	6.2	7	6.7	
42	2121130052	Phạm Thị Hồng	Phỉ	13/07/2003	CCQ2113B	6.8	6	6.3	
43	2121190132	Trần Nhật Yến	Phúc	07/02/2003	CCQ2119D	6.3	7	6.7	
44	2121120457	Bùi Thanh	Phương	18/12/2003	CCQ2112N	0.0	0	0.0	Vắng
45	2121120219	Ngô Phạm Thanh	Phương	06/09/2002	CCQ2112G	8.5	6	7.0	
46	2121170635	Nguyễn Chí	Quang	22/08/2003	CCQ2117A	5.7	5	5.3	
47	2119110089	Trần Phú	Quý	26/11/2001	CCQ1910N	8.0	4	5.6	
48	2121190133	Trịnh Thị Tố	Quyên	04/02/2003	CCQ2119D	7.5	8	7.8	
49	2120190113	Lê Bá	Quyền	25/05/1998	CCQ2019C	0.0	0	0.0	Vắng

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
50	2121100144	Lượng Thị Như	Quỳnh	03/09/2003	CCQ2110E	7.3	7	7.1	
51	2121190107	Nguyễn Xuân	Quỳnh	15/11/2003	CCQ2119D	8.7	7	7.7	
52	2121100232	Trần Thị Thúy	Quỳnh	16/04/2003	CCQ2110G	8.2	8	8.1	
53	2121110348	Trịnh Công	Son	11/12/2001	CCQ2111J	5.2	6	5.7	
54	2121100219	Phạm Thị	Tâm	01/12/2003	CCQ2110G	6.0	6	6.0	
55	2120060020	Dương Quang Minh	Tân	06/03/2001	CCQ2006A	7.8	4	5.5	
56	2121190136	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	29/01/2003	CCQ2119D	6.2	6	6.1	
57	2121190108	Hồ Thị Mỹ	Thảo	17/06/2003	CCQ2119D	6.5	7	6.8	
58	2121190116	Nguyễn Thị	Thu	01/01/2003	CCQ2119D	5.0	6	5.6	
59	2121190138	Trần Thị Thanh	Thư	13/10/2003	CCQ2119D	6.2	7	6.7	
60	2118060036	Nguyễn Văn	Tiên	03/10/1999	CCQ1806A	0.0	0	0.0	Vắng
61	2120110099	Lê Văn	Tình	18/10/2002	CCQ2011C	6.0	6	6.0	
62	2121120221	Phạm Mai Phương	Trâm	13/03/2003	CCQ2112G	7.3	8	7.7	
63	2121120197	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	24/09/2003	CCQ2112F	5.3	6	5.7	
64	2121100215	Văn Thị Hồng	Trúc	13/11/2003	CCQ2110G	8.5	6	7.0	
65	2120260103	Đàng Nữ Bạch Sinh	Tuyết	18/01/2002	CCQ2026C	7.5	7	7.2	
66	2121120254	Nguyễn Quốc	Uy	23/12/2002	CCQ2112H	8.2	7	7.5	
67	2121190131	Lê Thị Đình	Vân	10/10/2003	CCQ2119D	8.8	7	7.7	
68	2121190113	Nguyễn Thị Bích	Vân	30/12/2001	CCQ2119D	6.2	8	7.3	
69	2121130050	Nguyễn Thị Thảo	Vi	22/04/2002	CCQ2113B	6.0	5	5.4	
70	2121100153	Nguyễn Thị Hạ	Vy	29/10/2003	CCQ2110E	0.0	0	0.0	Vắng
71	2120110105	Huỳnh Thị	Ý	09/10/2002	CCQ2011C	8.0	6	6.8	

TPHCM, ngày 06 tháng 01 năm 2023

Giảng viên



Nguyễn Thành Quân